TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU** Số: 07/2018/QĐHNGĐ-ST Ngày: 19 - 3 - 2018 V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN

Với thành phần giải quyết việc dân sự:

Chủ tọa phiên họp: Ông **Nguyễn Thành Phước** - Thẩm phán.

Thư ký phiên họp: Ông **Sơn Ngọc Trọng** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau tham gia phiên họp: Bà **Võ Thúy Nhị** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 19 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau; mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 35/2018/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2018, về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn" theo Quyết định mở phiên họp số: 35/2018/QĐST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2018.

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà **Huỳnh Thị Ng**, sinh năm 1981.

- Ông **Huỳnh Văn C**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp S, xã N, huyện P, tỉnh C.

Tại phiên họp bà Huỳnh Thị Ng có mặt. Ông Huỳnh Văn C xin vắng mặt.

2. Những vấn đề cụ thể yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C thống nhất trình bày, ông bà xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 17/10/2009. Trong quá trình chung sống xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến cuộc sống chung và không hạnh phúc. Cả hai không còn chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2014 cho đến nay. Vì vậy, ông bà thống nhất thỏa thuận, thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận.

- Về con chung: Có 02 người tên là Huỳnh Văn T (giới tính nam), sinh ngày 11/01/2005 và Huỳnh Văn T1 (giới tính nam), sinh ngày 03/8/2009. Hiện Huỳnh Văn T đang chung sống cùng bà Huỳnh Thị Ng, Huỳnh Văn T1 đang chung sống cùng ông Huỳnh Văn C. Qua thỏa thuận, bà Huỳnh Thị Ng là người nuôi Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn C là người nuôi Huỳnh Văn T1. Cả hai người không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Phú Tân nhận định:

- Về tố tụng: Ông Huỳnh Văn C có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Vì vậy, giải quyết vắng mặt ông Huỳnh Văn C theo quy định tại khoản 2 Điều 367 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

- Về hôn nhân, bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2004 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện P, tỉnh C, được chứng nhận kết hôn vào ngày 17/10/2009. Do đó, hôn nhân giữa bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C thống nhất trình bày, ông bà chung sống với nhau thường xuyên xảy ra nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống. Đồng thời cả hai không còn chung sống từ năm 2014 cho đến nay mà không thể hàn gắn, không thể tiếp tục cuộc sống chung. Hiện tại ông bà xác định cuộc sống chung vợ chồng không còn hạnh phúc nên tự thỏa thuận, thuận tình ly hôn và yêu cầu Tòa án công nhận. Xét thấy sự thuận tình ly hôn giữa bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và sự tự thỏa thuận trên là phù hợp với quy định của pháp luật. Nên việc công nhận sự thuận tình ly hôn cho bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C là hoàn toàn phù hợp.

- Về con chung: Có 02 người là Huỳnh Văn T (giới tính nam), sinh ngày 11/01/2005 và Huỳnh Văn T1 (giới tính nam), sinh ngày 03/8/2009. Hiện Huỳnh Văn T đang chung sống cùng bà Huỳnh Thị Ng, Huỳnh Văn T1 đang chung sống cùng ông Huỳnh Văn C. Qua thỏa thuận, bà Huỳnh Thị Ng là người nuôi Huỳnh Văn T, ông Huỳnh Văn C là người nuôi Huỳnh Văn T1. Cả hai người thỏa thuận không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Xét thấy việc thỏa thuận nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con đối với nhau là hoàn toàn tự nguyện nên có căn cứ chấp nhận.

- Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất xác định không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung thống nhất là không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân: Bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C thống nhất thỏa thuận thuận tình ly hôn, thỏa thuận người nuôi con chung và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con là không bị ai ép buộc, xúi giục và không trái đạo đức xã hội, nên đề nghị Tòa án công nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35; các điều 367, 369, 370 và Điều 371 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu, công nhận sự thỏa thuận - thuận tình ly hôn giữa bà **Huỳnh Thị Ng** và ông **Huỳnh Văn C**.

2. Về con chung: Ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C như sau: Giao Huỳnh Văn T (giới tính nam), sinh ngày 11/01/2005 cho bà Huỳnh Thị Ng tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Giao Huỳnh Văn T1 (giới tính nam), sinh ngày 03/8/2009 cho ông Huỳnh Văn C tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng.

Ghi nhận sự tự thỏa thuận giữa bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C là cả hai người không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Huỳnh Thị Ng và ông Huỳnh Văn C mỗi người chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng), bà Huỳnh Thị Ng tự nguyện chịu toàn bộ, bà Huỳnh Thị Ng đã nộp tiền tạm ứng lệ phí tại biên lai thu tiền số 0006909, ngày 22/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

4. Quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án, thời hiệu yêu cầu thi hành án:

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật Ngy sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Phòng KTNV&THA (TA tỉnh);
- Chi cục THADS huyện Phú Tân (khi có hiệu lực);
- UBND xã N (huyện P);
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thành Phước